

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN YÊN THÀNH
TỈNH NGHỆ AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 117/2022/HNGĐ-ST
Ngày 25 tháng 11 năm 2022
“V/việc tranh chấp về hôn nhân gia đình”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN THÀNH - TỈNH NGHỆ AN

Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Anh Ngọc

Các hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Bá Tấn – Đồng Thị Lý.

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Công Hưng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Yên Thành - tỉnh Nghệ An.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Thành - tỉnh Nghệ An tham gia phiên tòa: Không tham gia.

Trong ngày 25 tháng 11 năm 2022 tại Tòa án nhân dân huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 449/2022/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 10 năm 2022 về Tranh chấp Hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 177/2022/QĐST- HNGĐ ngày 09/11/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 198/2022/QĐ-HPT ngày 21/11/2022 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Chị Trương Thị N, sinh ngày 03/10/2002.

Nơi cư trú: xóm 7, xã Minh Thành, huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An.(Có mặt)

- **Bị đơn:** Anh Nguyễn Văn Đ, sinh ngày 21/02/1991.

Nơi cư trú: xóm 7, xã Minh Thành, huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An. (Vắng mặt lần thứ 2 tại phiên tòa không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện, trình bày tại bản khai và trình bày của nguyên đơn tại phiên tòa thì vụ án có nội dung.

- **Về tình cảm:** Chị Trương Thị N và anh Nguyễn Văn Đ tổ chức cưới nhau vào tháng 10/2018. Trước khi tiến tới hôn nhân hai bên đã có thời gian yêu đương tìm hiểu, tự nguyện tiến tới hôn nhân. Chị N, anh Đ đã đăng ký kết hôn tại UBND xã M, huyện Y, tỉnh Nghệ An được cấp giấy chứng nhận kết hôn số: 50/2019 ngày 03 /12/2019. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc với nhau đến cuối năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân chủ yếu là do vợ chồng không hợp nhau về mọi mặt, có nhiều va chạm, xử sự không đúng mực đối với nhau trong cuộc sống chung, nên vợ chồng mất hết tình cảm, hôn nhân đổ vỡ. Do nguyên nhân mâu thuẫn xảy ra ngày càng sâu sắc, vợ chồng

không thể đoàn tụ, Chị N và anh Đ không có thức hòa giải để vợ chồng đoàn tụ, mà để mặc cho hậu quả xảy ra. Chị N xác định đã mất hết tình cảm tình yêu đối với anh Đ, hôn nhân đã đổ vỡ nên chị đã chủ động sống ly thân cắt đứt các mối liên hệ, quan hệ đối với anh Đ từ cuối năm 2021 cho đến nay. Do hôn nhân đã hoàn toàn đổ vỡ, không thể đoàn tụ, Chị N đề nghị Tòa giải quyết cho chị ly hôn anh Nguyễn Văn Đ.

- **Về quan hệ con chung:** Vợ chồng có 01 con chung cháu Nguyễn Tiến Đ (Giới tính: Nam), sinh ngày 10/02/2019. Từ ngày vợ chồng sống ly thân con chung do anh Đ trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, con chung được anh Đ trực tiếp nuôi dưỡng, phát triển về mọi mặt. Nếu ly hôn Chị N đề nghị giao con chung cho anh Đ trực tiếp sóc nuôi dưỡng, chị sẽ có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con cùng anh Đ mỗi tháng 1.200.000 đồng.

- **Về tài sản chung:** Chị Trương Thị N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn anh Nguyễn Văn Đ không có mặt trong quá trình giải quyết vụ án, tòa án không thu thập được ý kiến, lời khai của anh Đ. Song qua các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp và xác minh tình trạng hôn nhân, con chung chưa thành niên tại xã M, huyện Y thì về quan hệ hôn nhân, quan hệ con chung giữa Chị Trương Thị N và anh Nguyễn Văn Đ cơ bản đúng như nguyên đơn đã trình bày.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Đây là vụ án tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân qui định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn có nơi cư trú và hiện nay đang sinh sống tại xóm 7, xã M, huyện Y, tỉnh Nghệ An nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của TAND huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An được qui định tại Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho nguyên đơn, bị đơn, yêu cầu các đương sự có mặt tại tòa án để giải quyết tranh chấp, nhưng anh Đ không chấp hành, không hợp tác. Vì vậy, Tòa án đã lập biên bản theo trình tự quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Quyết định đưa vụ án ra xét xử, giấy báo tham gia phiên tòa lần thứ nhất đã được tổng đạt hợp lệ đối với các đương sự. Tại phiên tòa lần thứ nhất nguyên đơn có mặt, bị đơn vắng mặt không có lý do, Hội đồng xét xử đã ra Quyết định hoãn phiên tòa trong đó ấn định về thời gian tiếp tục xét xử vụ án, đã tổng đạt hợp lệ Quyết định hoãn phiên tòa và Giấy báo tham gia phiên tòa lần thứ hai cho các đương sự. Tại phiên tòa lần thứ hai nguyên đơn có mặt, bị đơn tiếp tục vắng mặt không có lý do, căn cứ điểm b, khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử, tiến hành xét xử vụ án vắng mặt đối với bị đơn anh Nguyễn Văn Đ.

[2] Về nội dung:

- Về quan hệ hôn nhân: Điều kiện kết hôn, trình tự thủ tục tiến tới hôn nhân

giữa Chị Trương Thị N và anh Nguyễn Văn Đ đảm bảo đúng quy định của pháp luật. Hôn nhân giữa Chị N, anh Đ là sự tự nguyện tiến tới hôn nhân, các bên đã làm thủ tục đăng ký kết hôn tại UBND xã M, huyện Y, tỉnh Nghệ An được cấp giấy chứng nhận kết hôn số:50/2019 ngày 03/12/2019, nên xác định hôn nhân giữa Chị Trương Thị N và anh Nguyễn Văn Đ là hôn nhân hợp pháp.

Mâu thuẫn cơ bản dẫn đến hôn nhân giữa Chị N, anh Đ tan rã, đổ vỡ là do quá trình sống chung vợ chồng không tìm được tiếng nói chung trong hôn nhân, đã có những lời nói, xử sự không đúng mực trong quá trình sống chung dẫn đến vợ chồng mất hết tình cảm, hôn nhân đổ vỡ. Vợ chồng sống ly thân từ cuối năm 2021, quá trình sống ly thân vợ chồng không có ý thức níu kéo hôn nhân. Từ đó cho thấy hôn nhân của Chị N, anh Đ đã thực sự tan rã, đổ vỡ, sợi dây gắn kết tình cảm giữa các bên không còn. Nay Chị Trương Thị N yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Nguyễn Văn Đ là có căn cứ, cần áp dụng Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình xử cho Chị Trương Thị N được ly hôn anh Nguyễn Văn Đ.

- **Về quan hệ con chung:** Từ ngày vợ chồng sống ly thân con chung của vợ chồng được anh Đ trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, anh Đ từ chối mọi trách nhiệm của Chị N đối với con chung. Chị N thừa nhận không có sự hỗ trợ về vật chất, tinh thần của chị để nuôi con, nhưng anh Đ đã nuôi dạy con rất tốt, con chung phát triển tốt về mọi mặt. Nay Chị N đề nghị giao con chung theo hiện trạng là đúng với pháp luật, phù hợp với đạo đức xã hội. Hội đồng xét xử căn cứ Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình, xử chấp nhận về việc đề nghị giao nuôi con của Chị Trương Thị N.

Nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Chị N tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh Đ mỗi tháng 1.200.000 đ là người mẹ có trách nhiệm cao đối với con chung, nên cần chấp nhận việc tự nguyện đóng tiền cấp dưỡng nuôi con chung của Chị Trương Thị N.

- **Về quan hệ tài sản:** Chị Trương Thị N không yêu cầu tòa giải quyết, nên miễn xét.

- **Về án phí:** Buộc Chị Trương Thị N phải nộp án phí ly hôn, án phí cấp dưỡng nuôi con sơ thẩm.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84; Điều 107 và Điều 110 của Luật hôn nhân và gia đình.

Xử:

1. Về quan hệ tình cảm: Chị Trương Thị N được ly hôn anh Nguyễn Văn Đ.

2. Về quan hệ con chung: Giao con chung cháu Nguyễn Tiến Đ (Giới tính: Nam), sinh ngày 10/02/2019 cho anh Nguyễn Văn Đ trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng.

Ghi nhận sự tự nguyện việc thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung sau khi ly hôn của Chị Trương Thị N như sau:

Chị Trương Thị N thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh Nguyễn Văn Đ mỗi tháng 1.200.000đ(Một triệu, hai trăm nghìn đồng), kể từ tháng 11/2022 cho đến lúc con chung đủ 18 tuổi.

Kể từ ngày anh Nguyễn Văn Đ làm đơn yêu cầu thi hành án đối với khoản tiền nói trên, nếu Chị Trương Thị N không thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi suất của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất qui định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Chị Trương Thị N người không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ đi lại thăm nom chăm sóc con chung không được ai cản trở, ngăn cấm.

Vì lợi ích của con các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

3. Về án phí: Áp dụng điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự: Điều 26: Điều 27 của nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội qui định về mức thu, miễn giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

- Buộc: Chị Trương Thị N nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn và 300.000đ(Ba trăm nghìn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con sơ thẩm, nhưng được tính trừ 300.000đ(Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí ly hôn chị đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An theo biên lai số: 0012146 ngày 05/10/2022. Chị Trương Thị N còn phải nộp 300.000đ (Bằng chữ: Ba trăm nghìn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con sơ thẩm.

4.Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt được quyền kháng cáo lên tòa án cấp phúc thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo lên tòa án cấp phúc thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết tại trụ sở UBND xã M, huyện Y, tỉnh Nghệ An và nơi cư trú cuối cùng của bị đơn.

Nơi nhận:

- Các đương sự,
- VKSND H. Yên Thành.
- CC THA DS H. Yên Thành.
- TAND tỉnh Nghệ An
- VKSND tỉnh Nghệ An
- Lưu HSVA
- UBND xã M(Nơi ĐKKH)

**TM: HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Vũ Anh Ngọc